

Số: 05 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(các công trình được cấp giấy phép 06 tháng cuối năm 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 422/TTr-STMNT ngày 29/12/2020 về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt cho các công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(các công trình được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước 06 tháng cuối năm 2020)* theo Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đến Ủy ban nhân dân các xã nơi có công trình cấp

nước sinh hoạt; đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các tổ chức có công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các cơ quan liên quan trên địa bàn xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp cùng các tổ chức có công trình khai thác nước xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước sinh hoạt thuộc địa bàn quản lý; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo thẩm quyền. rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt thuộc trường hợp phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh trên địa bàn quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

a) Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình khai thác nước và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố.

- Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

b) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn nước dưới đất và tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình khai thác nước sinh hoạt; Giám đốc các tổ chức, doanh nghiệp có tên tại Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CVP Nguyễn Thanh;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tin);
- Chuyên viên KS;
- Lưu VT, (Đ 60).

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC
DANH MỤC PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT
CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(các công trình được cấp giấy phép 06 tháng cuối năm 2020)

(Kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-UBND ngày 14 /01 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên công trình	Ký hiệu giếng khai/điểm khai thác nước	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô công trình, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
			Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Cấp nước phục vụ cho người dân và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và các khu vực lân cận	KT-KP2	Số 27/GP-UBND ngày 17/8/2020	Công ty cổ phần Phú Lâm GLOBAL	Nước dưới đất	560	Thôn 16, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
		KT-KP3				560		
		KT-KP4				560		
		KT-KP5				560	Thôn 14, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	
		KT-KP7				560	Thôn 15, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	
2	Cung cấp nước phục vụ cho các hộ gia đình và các cơ quan, trường học trên địa bàn các thôn An Thịnh, An Phong và An Phú, xã Tân Thịnh,	LK1	Số 32/GP-UBND ngày 28/9/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước dưới đất	125	Thôn An Phong, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	20 m tính từ miệng giếng

STT	Tên công trình	Ký hiệu giếng khai/điểm khai thác nước	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô công trình, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
			Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
	huyện Chiêm Hóa							
3	Cung cấp nước phục vụ cho các hộ gia đình và các cơ quan, trường học trên địa bàn xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	LK1	Số 42/GP-UBND ngày 18/12/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước dưới đất	168	Thôn Tân Hùng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
4	Cung cấp nước phục vụ cho các hộ gia đình và các cơ quan, trường học trên địa bàn xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	GK1	Số 43/GP-UBND ngày 18/12/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước dưới đất	450	Thôn 4, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
5	Cung cấp nước phục vụ cho các hộ gia đình và các cơ quan, trường học trên địa bàn xã Tân An, huyện Chiêm Hóa	Điểm khai thác nước tự chảy	Số 33/GP-UBND ngày 28/9/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Khuổi Luông	290	Thôn Tân Cường, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
6	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn 700, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	Điểm khai thác nước tự chảy	Số 41/GP-UBND ngày 18/12/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Khe Mát	25	Thôn 700, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	700 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác